

Số: 1154/QĐ-VPĐKĐĐ

Tây Ninh, ngày 03 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 688/TB-SNNMT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của phòng Hành chính - Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, cụ thể:

1. Nội dung công khai: Số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh (chi tiết theo phụ biểu đính kèm);

2. Hình thức công khai: phát hành trên hệ thống egov, niêm yết tại trụ sở làm việc, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Kế toán trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT;
- Phòng KH-TC;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Trần Quang Khải

Đơn vị: VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH TÂY NINH

Chương: 412

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1154/QĐ-VPĐKKĐĐ ngày 03 tháng 04 năm 2025
của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	60.408,61	60.408,61	
1	Lệ phí	4.165,71	4.165,71	
	- Lệ phí cấp GCN QSDĐ, QSD nhà (Lệ phí địa chính)	4.165,71	4.165,71	
2	Phí	56.242,90	56.242,90	
	- Phí xác nhận thế chấp, giao dịch bảo đảm	3.864,11	3.864,11	
	- Phí khai thác sử dụng tài liệu	1.053,78	1.053,78	
	- Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN	51.325,01	51.325,01	
II	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	15.730,42	15.730,42	
1	Lệ phí	4.165,71	4.165,71	
	- Lệ phí cấp GCN QSDĐ, QSD nhà (Lệ phí địa chính)	4.165,71	4.165,71	
2	Phí	11.564,71	11.564,71	
	- Phí xác nhận thế chấp, giao dịch bảo đảm	772,82	772,8	
	- Phí khai thác sử dụng tài liệu	526,89	526,89	
	- Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN	10.265,00	10.265,00	
III	Kinh phí tiết kiệm 5% chi TX theo NQ119	1.369,11	1.369,11	
IV	Số trích để lại sử dụng	43.309,08	43.309,08	
V	Chi thường xuyên từ nguồn phí	19.683,77	19.683,77	
VI	Chênh lệch thu chi nguồn phí	23.625,31	23.625,31	

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
1	Trích CCTL (1%)	236,25	236,25	
2	Trích các quỹ	23.389,05	23.389,05	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước			
5	Chi bảo đảm xã hội	98,00	98,00	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	98,00	98,00	
	+ Chi trợ cấp tiền Tết (Loại 370 - Khoản 398)	98,00	98,00	
C	Quyết toán thu, chi dịch vụ			
I	Tổng thu dịch vụ	70.982,39	70.982,39	
1	Thu dịch vụ đo đạc	70.822,76	70.822,76	
2	Thu lãi tiền gửi	151,66	151,66	
3	Thu từ thanh lý TSCĐ	7,97	7,97	
II	Nộp thuế GTGT, TNDN	7.090,26	7.090,26	
1	Nộp thuế GTGT	3.541,14	3.541,14	
2	Nộp thuế TNDN	3.549,12	3.549,12	
III	Số trích để lại sử dụng	63.892,13	63.892,13	
IV	Chi thường xuyên từ nguồn dịch vụ	26.536,61	26.536,61	-
V	Chênh lệch thu chi nguồn dịch vụ	37.355,52	37.355,52	
1	Trích CCTL (1%)	350,65	350,65	
2	Trích các quỹ	37.004,87	37.004,87	-

Ngày 03 tháng 04 năm 2025

Người lập

Giám đốc



Nguyễn Thị Thuần




Trần Quang Khải